

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **388/2024/DS-ST**

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

*“Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản”
và “Tranh chấp Hợp đồng mượn tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa và ông Võ Thanh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1014/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”* và *“Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 697/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 677/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CP S Có Ngay; Trụ sở: số A N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT - Chức vụ: Giám đốc

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 2000; Chức vụ: Nhân viên Công ty S có ngay; Địa chỉ: số H, quốc lộ I, khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (theo giấy ủy quyền ngày 17/9/2024).
ĐT: 0707497045 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 2 Đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0395.629.114 (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay do ông Nguyễn Hoàng P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/05/2020 bà Phạm Thị Ngọc H có cầm cố tài sản với Chi nhánh thành phố C - Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA, loại: Vision 110cc Fi, biển số: 67B2-377.24; Số khung: 5832KY069579; Số máy: JF86E2134010; Giấy chứng nhận đăng ký số: 113605 do Công an tỉnh A cấp ngày 11/06/2019 với số tiền: 18.000.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 12 tháng; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 21/05/2020. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất cầm cố: bằng 1.1% số tiền cầm cố/tháng; Phí thẩm định tài sản: bằng 4% số tiền cầm cố/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phí tắt toán hợp đồng trước thời hạn: 4% nợ gốc chưa thanh toán; Chi phí tố tụng: 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản số TNM200501043NA19X ký ngày 21/05/2020, bà H đã thế chấp tài sản là chiếc xe Vision 110cc Fi và được Công ty đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hồ Chí Minh - Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 21/5/2020.

Cùng ngày 21/5/2020, bà H và Công ty Cổ phần S - Chi nhánh thành phố C 4 thỏa thuận ký hợp đồng mượn tài sản là xe mô tô đã cầm cố nêu trên. Nội dung hợp đồng, Công ty cho bà H mượn xe với thời gian 01 (một) tháng từ ngày 21/05/2020 đến ngày 21/06/2020. Từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty đã giải ngân cho bà H số tiền là: 18.000.000 đồng nhưng bà H mới chỉ thanh toán được 4.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty S Có Ngay. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà H có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2024, Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc H phải giao trả lại chiếc xe mô tô biển số 67B2-377.24 nhãn hiệu: Honda Vision 110cc Fi theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty. Trường hợp bà H không trả lại xe thì phải có nghĩa vụ thanh toán cả gốc, lãi và các khoản phí theo đúng hợp đồng cầm cố với số tiền 40.659.172 đồng (tạm tính đến ngày 02/7/2024) cho Công ty.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty đề nghị thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện theo đó, Công ty không yêu cầu bà H phải giao trả lại

chiếc xe mô tô biển số 67B2-377.24 nhãn hiệu: Honda Vision 110cc F và thanh toán tiền phí thẩm định tài sản: 4.384.257 đồng và chi phí tố tụng: 2.371.488 đồng mà chỉ yêu cầu buộc bà Phạm Thị Ngọc H phải thanh toán số tiền là 33.903.427 đồng (tạm tính đến ngày 02/7/2024), trong đó: Tiền gốc: 18.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.330.627 đồng; Tiền lãi quá hạn: 14.572.800 đồng. Bà H phải chịu lãi suất và phí phát sinh theo quy định pháp luật. Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản cầm cố được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ và phải chịu hết mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 375, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay. Buộc bà Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc chưa thanh toán, lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố ngày 21/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Phạm Thị Ngọc H cầm cố xe máy cho Công ty cổ phần S Có Ngay để nhận tiền, ngay sau đó lập giấy mượn xe đã cầm cố để làm phương tiện đi lại. Như vậy, bản chất của giao dịch dân sự lập hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe giữa Công ty S và bà H là để che đậy mục đích vay tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” và “tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại hợp đồng cầm cố số TNM200501043NA19X ngày 21/5/2020, giấy mượn xe ngày 21/5/2020 ghi rõ địa chỉ của bà H và phiếu xác minh ngày 08/10/2024 của Công an phường M, thành phố L xác định: Đương sự Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1983 có đăng ký thường trú tại số B đường H, phường M, thành phố L, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với địa chỉ mà bà H đã cung cấp trong hợp đồng. Do đó căn cứ vào Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Bà Phạm Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.4] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại đơn khởi kiện, Công ty cổ phần S yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc H phải trả lại xe máy đã mượn theo giấy mượn xe mà hai bên đã ký kết; nếu bà H không trả lại xe máy thì phải trả số tiền gốc, lãi và các khoản phí còn nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 31/10/2024 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà H phải trả chiếc xe máy đã mượn và thanh toán tiền phí thẩm định tài sản, chi phí tố tụng mà chỉ phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] *Đối với nội dung vay có cầm cố tài sản*: Ngày 21/5/2020, Chi nhánh T1 – Công ty TNHH S1, (nay đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần S có ngay) cho bà H vay số tiền 18.000.000 đồng (thời hạn: 12 tháng từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/5/2021), lãi suất cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và phí thẩm định tài sản là 4%/tháng, bà H có nghĩa vụ trả tiền vào ngày 21 của tháng. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà H đã cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô Honda Vision, biển số 67B2-377.24 thuộc quyền sở hữu của bà H cho Công ty S. Tuy nhiên, việc cho vay và cầm cố tài sản các bên không lập thành từng hợp đồng riêng biệt mà lập chung một hợp đồng có tiêu đề là “hợp đồng cầm cố” và có mục “lưu ý cho khách hàng cầm cố” kèm theo (gọi tắt là hợp đồng cầm cố). Trong hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn, phương thức thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các khoản phí liên quan đến cầm cố tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà H chỉ mới thanh toán được 4.000.000 đồng (trong đó: tiền gốc: 0 đồng; lãi: 73.044 đồng; phí thẩm định tài sản: 720.000 đồng; phí phạt trễ hạn: 3.206.956 đồng). Sau đó, bà H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty S nữa. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, xác định bà H còn nợ Công ty S với tổng số tiền 35.501.071 đồng (tạm tính đến ngày 04/12/2024), trong đó: Tiền gốc: 18.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.403.671 đồng; Tiền lãi quá hạn: 16.097.400 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc tính tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn của Công ty S là có căn cứ và phù hợp với các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà H đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 67B2-377.24 thuộc sở hữu của bà H cho Công ty S. Tài sản cầm cố đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật dân sự, đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật dân sự nên xác định là hợp đồng hợp pháp, cơ sở để giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] *Đối với nội dung mượn tài sản và các khoản phí đã thỏa thuận trong hợp đồng:* Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, do bà H không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân nên cũng trong ngày 21/5/2020, bà H đã lập Giấy mượn xe để xin mượn lại chiếc xe mang biển số 67B2-377.24 đã cầm cố trong thời hạn 30 ngày từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/6/2020 và Công ty đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho bà H mượn. Việc các bên thỏa thuận cho mượn lại tài sản cầm cố và thỏa thuận các khoản phí trong hợp đồng là sự tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, không bị pháp luật cấm tại thời điểm thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với các khoản phí mà bà H đã trả cho Công ty S. Hơn nữa, hiện nay Công ty S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản phí này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu và tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật quy định. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như nội dung thỏa thuận nên căn cứ theo quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 499 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là phù hợp do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty được chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 351, Điều 357, Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Phạm Thị Ngọc H.

[1] Buộc bà Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng số tiền 35.501.071 đồng (*ba mươi lăm triệu, năm trăm lẻ một nghìn, không trăm bảy mươi một đồng*) (tạm tính đến ngày 04/12/2024), trong đó: Tiền gốc: 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*); T lãi trong hạn: 1.403.671 đồng (*một triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng*); T lãi quá hạn: 16.097.400 đồng (*mười sáu triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì Công ty cổ phần S có ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 67B2-377.24, giấy chứng nhận đăng ký số: 113605 do Công an tỉnh A cấp ngày 11/6/2019 cho bà Phạm Thị Ngọc H để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ và phải chịu hết mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 1.775.054 đồng (*một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền 1.017.000 đồng (*một triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001526 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị Ngọc H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung